

UBND TỈNH HÀ TĨNH  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KKT-QLDN

*TX. Kỳ Anh, ngày tháng 5 năm 2021*

V/v rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2527/UBND-KT ngày 28/4/2021 về việc rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội; Sau khi nghiên cứu, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh nhận thấy còn có một số vướng mắc như sau:

**1. Về quy trình thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các lĩnh vực nhà ở và thương mại, dịch vụ, du lịch tại các khu kinh tế, khu công nghiệp**

Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 29, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 thì việc lựa chọn nhà đầu tư được tiến hành thông qua các hình thức sau “(a) Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; (b) Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu; (c) Chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này” và việc lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điểm (a) và Điểm (b) được thực hiện sau khi chấp thuận chủ trương đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo quy định tại Điều 32, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 thì UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng, dự án đầu tư có đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị trong các trường hợp: dự án đầu tư có quy mô sử dụng đất dưới 50 ha và có quy mô dân số dưới 15.000 người tại khu vực đô thị; dự án đầu tư có quy mô sử dụng đất dưới 100 ha và có quy mô dân số dưới 10.000 người tại khu vực không phải là đô thị; dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt;

c) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (golf);

*d) Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.*

Như vậy, theo quy định nêu trên thì những dự án có đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá, đấu thầu sẽ không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2, Điều 29, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 thì trước khi tổ chức đấu giá hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư; do đó, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn cụ thể về một số nội dung sau:

- Các dự án đầu tư trong lĩnh vực nhà ở; thương mại, dịch vụ du lịch có phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất hay không?

- Những dự án nào phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 29, Điều 32 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.

## **2. Về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư**

Theo quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, dự án sẽ bị chấm dứt hoạt động trong một số trường hợp quy định tại Điều 48.

Theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà nước có trách nhiệm bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư để thực hiện dự án. Tuy nhiên, hiện nay do điều kiện ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, nên tỉnh chưa thể thực hiện việc giải phóng mặt bằng để bàn giao cho nhà đầu tư, do đó, trong quá trình đề xuất thực hiện dự án các nhà đầu tư thường cam kết tự nguyện ứng trước nguồn kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng sau đó khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp. Nhưng thực tế hiện nay, tại Khu kinh tế Vũng Áng có một số dự án (đã được chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) nhưng nhà đầu tư không phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (không ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng).

Theo quy định của Luật Đầu tư, việc nhà đầu tư vi phạm cam kết đầu tư không thuộc trường hợp bị thu hồi, chấm dứt hoạt động; mặt khác, việc nhà đầu tư không ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được coi là vi phạm hành chính, và không thể xử lý vi phạm hành chính như quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 47, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14. Do vậy, theo quy định tại Điều 48 thì không đủ căn cứ để thu hồi, chấm dứt hoạt động của dự án đối với các trường hợp này.

Do đó, để chấm dứt hoạt động dự án đối với các trường hợp nêu trên thì nên xử lý như thế nào (căn cứ, trình tự, thủ tục)?

## **3. Về thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

Căn cứ Khoản 1, Khoản 2, Điều 37, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, quy định:

*“1. Các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bao gồm:*

*a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài;*

*b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1, Điều 23 của Luật này.*

2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bao gồm:

a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước;

b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 2, Điều 23 của Luật này;

c) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế”.

Như vậy, theo quy định trên có thể hiểu là các dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tuy nhiên, trong trường hợp dự án của Nhà đầu tư trong nước (không thuộc trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất) mà là thuê lại đất của các chủ đầu tư dự án kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, thì có phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hay không? Nếu không thì việc quản lý nhà nước đối với các dự án này thực hiện như thế nào?

#### 4. Về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 15, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, thì việc ưu đãi đầu tư không áp dụng đối với **dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt** (trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền) được đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; cụ thể Điểm b, Khoản 5, Điều 15, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 quy định:

“5. Ưu đãi đầu tư quy định tại các Điểm b, c và d Khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:

a).....

b) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền;

c).....”

Tuy nhiên, tại Điểm b, Khoản 6, Điều 8, Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/4/2017 quy định đối với các dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư (**trong đó có các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt**) được đầu tư vào khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn và có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; cụ thể Điểm b, Khoản 6, Điều 8, Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/4/2017 quy định:

“b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này):

- .....

- 13 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

- 15 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

- .....

Như vậy, ở đây có sự mâu thuẫn về đối tượng (*dự án đầu tư*) được hưởng ưu đãi đầu tư giữa Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và Nghị định số 35/2017/NĐ-CP. Đề nghị điều chỉnh, hướng dẫn vấn đề này nhằm thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật (*Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và Nghị định số 35/2017/NĐ-CP*).

### **5. Về vấn đề giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp dự án đầu tư có sử dụng đất thương mại dịch vụ đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực thi hành**

Theo quy định tại Khoản 12, Điều 1, Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013: “Điều 14b. *Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất*

*Trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất một số năm hoặc miễn toàn bộ thời gian sử dụng đất đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất, trừ các trường hợp sau đây:*

- *Chỉ được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản của dự án.*

- *Sử dụng đất vào mục đích thương mại, dịch vụ.*

- *Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.”*

Như vậy, theo quy định nói trên thì đối với toàn bộ các dự án có sử dụng đất vào mục đích **“thương mại dịch vụ, đầu tư xây dựng nhà ở thương mại”** chưa được giao đất, cho thuê đất đều phải thực hiện giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1, Điều 77, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 quy định về chuyển tiếp như sau: “1. *Nhà đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp.*” và được hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 116, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14:

“1. *Nhà đầu tư được tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành mà không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị*

*định này, trừ trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tại các Khoản 1 và 3 Điều 117 của Nghị định này.”.*

Theo quy định nói trên của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư thì đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (trước ngày 01/01/2021) được tiếp tục thực hiện theo dự án đã được cấp không phải thực hiện lại các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư.

Thực tế hiện nay, UBND tỉnh Hà Tĩnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho rất nhiều nhà đầu tư có sử dụng đất thương mại dịch vụ tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trước ngày Luật Đầu tư 61/2020/QH14 có hiệu lực thi hành. Hiện đang hoàn thiện các hồ sơ thủ tục liên quan để được giao đất, cho thuê đất. Tuy nhiên, do chồng chéo các quy định nói trên nên Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh chưa thể thực hiện giao đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc này, ảnh hưởng đến rất lớn đến tiến độ thực hiện dự án của nhà đầu tư.

#### **6. Về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa để xây dựng các khu chức năng của Khu kinh tế phù hợp với quy hoạch**

Hiện nay, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh đang hoàn thiện hồ sơ giao đất để quản lý, sử dụng theo quy hoạch một số khu chức năng của Khu kinh tế Vũng Áng để thực hiện các dự án đầu tư. Các khu vực này có diện tích đất trồng lúa lớn hơn 10 ha cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 58, Luật Đất đai 2013 khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư có diện tích từ 10 ha trở lên thì phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ. Để có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh phải xây dựng hồ sơ và báo cáo UBND tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận, việc này cần rất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến quá trình thu hút đầu tư tại khu kinh tế.

Do vậy, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh trong quá trình xây dựng Luật Đất đai sửa đổi không đưa nội dung phải xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ khi thực hiện việc chuyển mục đích đất trồng lúa từ 10 ha trở lên trong các khu kinh tế.

Lý do:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 62, Luật Đất đai 2013, dự án xây dựng khu kinh tế do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư.

Quy hoạch chung xây dựng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong quá trình thẩm định quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng đã thông qua các bộ, ngành và các cơ quan chức năng khác góp ý bổ sung cho phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và khu kinh tế trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy, việc xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng các khu chức năng của khu kinh tế phù hợp với quy hoạch là không cần thiết.

**7. Về vấn đề chồng chéo chức năng, nhiệm vụ về quản lý, sử dụng đất đai trong khu kinh tế được quy định tại Điều 151, Luật Đất đai 2013 và Khoản 3, Điều 53, Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai**

- Điều 151 Luật Đất đai 2013 quy định:

*“Điều 151. Đất sử dụng cho khu kinh tế*

*1. Đất sử dụng cho khu kinh tế bao gồm đất để xây dựng khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đất sử dụng cho khu kinh tế là diện tích đất sử dụng cho các khu chức năng gồm: khu phi thuế quan, khu bảo thuế, khu chế xuất, khu công nghiệp, khu giải trí, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu hành chính và các khu chức năng khác phù hợp với đặc điểm của từng khu kinh tế nhằm tạo môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi cho các nhà đầu tư.*

*Việc xây dựng, mở mới các khu kinh tế phải phù hợp với quy hoạch tổng thể hệ thống các khu kinh tế trong cả nước.*

*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đất cho Ban quản lý khu kinh tế để tổ chức xây dựng khu kinh tế theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trong quy hoạch chi tiết xây dựng của khu kinh tế.*

*3. Ban quản lý khu kinh tế có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi để giao cho mình trước khi giao lại đất, cho thuê đất. Ban quản lý khu kinh tế được giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người có nhu cầu sử dụng đất trong các khu chức năng của khu kinh tế theo quy định tại các Điều 54, 55 và 56 của Luật này.”*

- Khoản 3, Điều 53, Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định:

*“Điều 53. Đất sử dụng cho khu kinh tế ...*

*3. Việc quản lý, sử dụng đối với đất khác không thuộc các khu chức năng của khu kinh tế và các nhiệm vụ khác về quản lý đất đai trong khu kinh tế do cơ quan hành chính các cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.”*

Trong thực tế, một số khu vực trong khu kinh tế chưa có Quy hoạch chi tiết phân khu chức năng mặc dù trong Quy hoạch chung đã được xác định chức năng cụ thể. Trong trường hợp này, việc quản lý, sử dụng đất và các nhiệm vụ khác về quản lý đất đai lại không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý khu kinh tế gây ra sự chồng chéo trong quá trình triển khai thực hiện.

**8. Về vấn đề lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam**

Tại Khoản 2, Điều 8, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, quy định:

*Người sử dụng lao động đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài bắt đầu làm việc.*

*Trường hợp quy định tại khoản 4, 6 và 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động và khoản 1, 2, 8 và 11 Điều 7 Nghị định này thì không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động nhưng phải báo cáo với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc trước ít nhất 3 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc.*

Theo quy định trên thì những trường hợp sau không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động:

- Vào Việt Nam dưới 3 tháng để chào bán dịch vụ;
- Là luật sư nước ngoài đã được cấp giấy phép hành nghề Luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư;
- Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam;
- Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên;
- Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên;
- Vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm;
- Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam được phép làm việc tại Việt Nam theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Tuy nhiên, trên thực tế theo phản ánh của doanh nghiệp, những trường hợp nêu trên không có văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động thì khi đi làm thủ tục tạm trú, thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thì không thực hiện được.

Trên đây là ý kiến của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh kính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư được biết để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng ban;
- Các Phó trưởng ban;
- Lưu: VT, QLDN.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Phạm Trần Đệ**